TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 554/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 08 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 497/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: **1. Anh Tôn Thất T**, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số 31 đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 31 đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tôn Thất T và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T và chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

(1) Tôn Nữ Tuệ M, sinh ngày: 19/5/2009

(2) Tôn Thất Tri K, sinh ngày: 15/12/2011

Anh T và chị T thoả thuận giao con Tôn Nữ Tuệ M cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Tôn Thất Tri

K cho anh Tôn Thất T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T và chị T không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung**: Anh T và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh T và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về lệ phí**: Anh Tôn Thất T và chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn, anh, chị đã nộp đủ theo Biên lai số 005959 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường V, thành phố Huế (ĐKKH số 130, quyển 01 ngày 30/9/2008);
- Lưu dán;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền